

Rủi ro (risk) được hiểu là “khả năng thiệt hại hoặc mất mát”, “xác suất không thành công hoặc sự mất mát liên quan đến những hướng hoạt động cụ thể”, “xác suất của những biến cố không mong muốn”, “sự nguy hiểm, thảm họa”, “khả năng mất mát, sự không xác định các khoản thu trong tương lai”. Trong những định nghĩa này, rủi ro như là xác suất của những hạn chế nhất định trong việc thực hiện những biến cố mong muốn. Rủi ro cần được xem như một yếu tố không thể tách rời với quá trình hoạt động của các công ty, doanh nghiệp, nhà kinh doanh trên thị trường. Với ý nghĩa đó, lợi nhuận là phần bồi hoàn do đã tiến hành thành công việc mạo hiểm.

Trong kinh doanh những quyết định làm ăn tương lai đã được thông qua, nhưng không có nghĩa là đã “chắc ăn”. Những quyết định kinh doanh phải được dựa trên những thông tin. Khi khối lượng thông tin đã đủ để nhà kinh doanh thông qua quyết định làm ăn, lúc bấy giờ có thể nói đến tình huống rủi ro. Tình huống rủi ro rất khác nhau. Nếu xác suất của sự cố không xác định, thì ta có tình huống rủi ro không xác định, và ngược lại. Như thế, rủi ro được dựa trên cơ sở của việc đánh giá khả năng đạt được kết quả kinh doanh (kết quả khả quan và không khả quan).

Những yếu tố của rủi ro có những chức năng quan trọng trong hoạt động kinh doanh. Một trong những chức năng quan trọng đó là chức năng phân tích. Chức năng này giúp cho nhà kinh doanh phân tích tất cả các dự án có khả năng để đầu tư, lựa chọn dự án mang lại lợi nhuận cao nhất và mang tính rủi ro tương đối ít nhất. Rủi ro, vì thế, cho phép tiết kiệm được phương tiện và làm lộ đủ nhất những khả năng tích cực, sáng tạo của con người.

Rủi ro tồn tại hai dạng: được bảo hiểm và không bảo hiểm. Cái thứ nhất đòi hỏi đóng cho công ty bảo hiểm phí bảo hiểm, nó sẽ được hoàn lại nhà kinh doanh một phần mất mát trong trường hợp sự cố xảy ra. Còn cái thứ hai - không bảo hiểm, dạng rủi ro này có thể dẫn đến mất mát hoàn toàn khi có sự cố. Trong nền kinh tế có cơ chế thị trường phát triển (các nước tư bản phát triển), ranh giới của những dạng rủi ro không xa mấy nhờ những biện pháp được soạn thảo nhằm làm giảm bớt dạng rủi ro không bảo hiểm.

Trong sách báo kinh tế và lý luận kinh doanh chúng ta thường gặp phải các khái niệm: rủi ro đầu tư, tín dụng, kinh doanh, đạo đức, tài sản... Rủi ro đầu tư bao gồm: rủi ro tài chính (rủi ro không có khả năng thanh toán về phía người mắc nợ), rủi ro tín dụng (rủi ro

RỦI RO TRONG KINH DOANH

PTS. NGUYỄN VĂN TRÌNH
ĐH TH TP. HCM

thay đổi tỷ suất %), rủi ro tiền tệ, rủi ro lạm phát (rủi ro giảm sút sức mua của đồng tiền vì giá cả tăng cao). Còn có thể kể thêm trong rủi ro đầu tư: rủi ro chính trị, rủi ro ngoại tệ, rủi ro quốc hữu hóa, rủi ro thay đổi hiến pháp.

Rủi ro tín dụng được áp dụng cho những cá nhân, công ty cho vay tiền hoặc hàng và dịch vụ dựa trên cơ sở tín dụng. Rủi ro kinh doanh liên quan đến khả năng tạo ra lợi nhuận của nhà quản trị kinh doanh trong một thời gian nhất định. Còn rủi ro đạo đức quan hệ đến việc vay tiền và phụ thuộc vào phẩm chất đạo đức của người đi vay. Rủi ro tài sản cũng liên quan đến người cho vay tiền và được xác định bằng khoản tài sản riêng của người đi vay để trả khoản vay không.

Rủi ro có mức độ khác nhau. “Rủi ro cao”, “ít rủi ro”. Mức độ rủi ro phụ thuộc vào mối quan hệ giữa quy mô mất mát được dự kiến và khối lượng

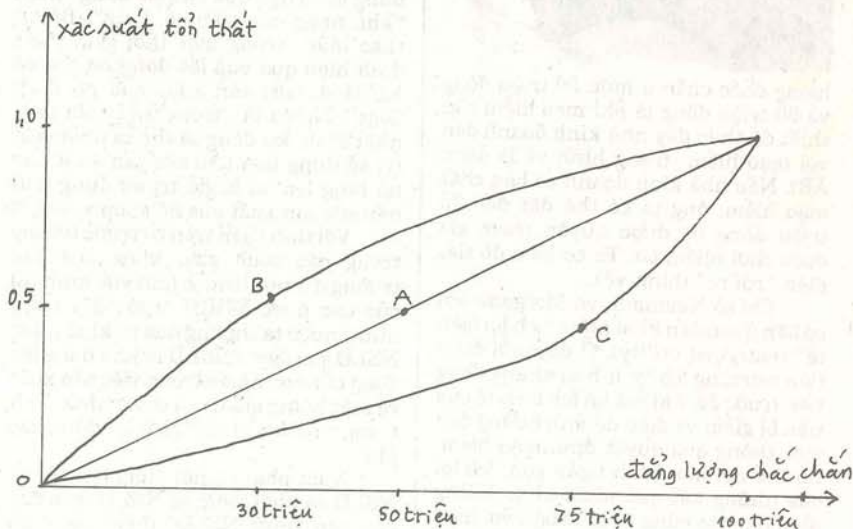
là quyết định có ý thức giữ cho mình sự rủi ro với hy vọng thu được lợi nhuận. Tính qui luật “rủi ro hoàn lại” (risk-return tradeoff) hoạt động ở trường hợp này. Tuy nhiên, những điều trình bày ở trên không mâu thuẫn với việc cần thiết phải soạn thảo những biện pháp nhằm hạ thấp rủi ro.

Khái niệm rủi ro được làm rõ hơn khi xác định số lượng rủi ro. Nó được xem xét như “số tiền có thể mất do tham gia vào một vài rủi ro của công ty”. Số lượng rủi ro được xác định bằng cách sau:

Số lượng rủi ro = Tổng thất ước đoán x P + thu nhập ước tính x (1-P)

Trong đó: P: Xác suất tổn thất.

Các nhà kinh doanh có mối quan hệ khác nhau đối với rủi ro. Mối quan hệ với rủi ro được hiểu bởi khái niệm “chỉ số ích lợi chờ đợi của Neumann và Morgenstern” (expected utility index of von Neumann and Morgenstern).



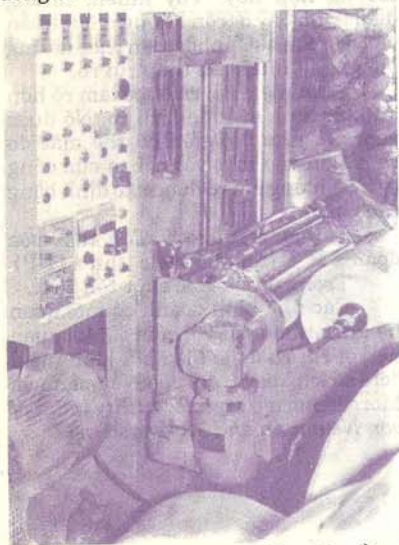
tài sản của nhà kinh doanh, cũng như phụ thuộc vào khả năng xảy ra mất mát. Sự đầu tư thoải mái, không bị cản trở bởi rủi ro thường được hiểu là sự đầu tư mà xác suất xảy ra mất mát gần đến 0, và số lượng mất mát so với tài sản là không lớn lắm.

“Giải phóng” khỏi rủi ro tuyệt đối không là mục đích của hoạt động kinh doanh. Giữ lại (retention) rủi ro nghĩa

Chúng ta xem xét khái niệm này trong ví dụ sau:

Hãy đặt vấn đề cho nhà kinh doanh: Ông ta chuẩn bị trả bao nhiêu để tham gia vào cuộc chơi với cơ hội thắng thua là 50/50, nếu thắng được 100 triệu đồng, còn thua chẳng được gì cả. Nếu nhà kinh doanh có thái độ mạo hiểm trung hòa, ông ta sẽ chuẩn bị trả 50 triệu đồng trong cuộc chơi này (ở

điểm A trong hình vẽ). Trong trường hợp này đối với nhà kinh doanh 50 triệu đồng là đẳng lượng chắc chắn (*certainty equivalent*), nghĩa là tổng số tiền mà ông ta chuẩn bị trả với cơ hội 50/50 để thắng 100 triệu đồng hoặc không được gì cả. Trong mối quan hệ bảo hiểm trung hòa để biểu thị đẳng lượng chắc chắn người ta sử dụng thuật ngữ "giá trị tiền tệ chờ đợi" (*expected money value*), nó được xác định bằng $0,5 \times 100 \text{ triệu đồng} + 0,5 \times 0 \text{ đồng} = 50 \text{ triệu đồng}$. Nếu nhà kinh doanh không có thái độ mạo hiểm lắm, ông ta có thể chuẩn bị đặt chỉ 30 triệu đồng (điểm B). Khoảng cách của đẳng



lượng chắc chắn ở mức 50 triệu đồng và 30 triệu đồng là phí mạo hiểm cần thiết để thúc đẩy nhà kinh doanh đến với mạo hiểm (trong hình vẽ là đoạn AB). Nếu nhà kinh doanh có bản chất mạo hiểm, ông ta có thể đặt đến 75 triệu đồng để được quyền tham gia cuộc chơi (điểm C). Ta có biểu đồ tiết diện "rủi ro" (hình vẽ).

Chỉ số Neumann và Morgenstern có liên quan đến khái niệm "ích lợi biên tế" (*marginal utility*). Ở đây mỗi đồng tiền sau tăng ích lợi ít hơn những đồng tiền trước đó, khi mà lợi ích biên tế của tiền bị giảm và điều đó ảnh hưởng đến việc thông qua quyết định mạo hiểm. Có thể nói một cách ngắn gọn: ích lợi của những kết quả khác nhau không phải lúc nào cũng tỷ lệ thuận với hiệu quả của tiền.

Tóm lại, trong điều kiện đối mới giáo dục lý luận kinh tế hiện nay ở nước ta, việc nghiên cứu một cách tỉ mỉ khái niệm rủi ro trong kinh tế một mặt, góp phần làm phong phú thêm lý luận kinh doanh, mặt khác, cần thiết phải áp dụng một cách có nhận thức khái niệm này trong thực tiễn kinh doanh để điều chỉnh các mối quan hệ kinh tế trong việc thông qua những quyết định "risk" trong thương trường ♣

48 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ KHÁI NIỆM NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

NGUYỄN THẾ TRUYỀN

Khi đề cập tới vấn đề năng suất lao động (NSLĐ) là chúng ta đề cập tới sức làm việc của con người trong quá trình công tác và sản xuất, nói tới hiệu suất của con người trong quá trình lao động, nói tới vai trò (yếu tố) con người trong lao động. Mà một đặc điểm nổi bật của lao động con người là lao động đó luôn luôn có sức sinh sản, nghĩa là có năng suất, có hiệu suất.

Từ trước tới nay khi đưa ra khái niệm NSLĐ, chúng ta thường xuất phát từ khái niệm mà Các Mác thường dùng là: "Hiệu quả của lao động" hoặc "khả năng của sức lao động". Bởi vì theo Mác "trong một thời gian nhất định hiệu quả của lao động có thể có ích là do sức sản xuất của nó định đoạt". Nghĩa là "trong một thời gian nhất định, lao động sẽ cho ta nhiều giá trị sử dụng hơn nếu sức sản xuất của nó tăng lên và ít giá trị sử dụng hơn nếu sức sản xuất của nó giảm xuống".

Với tinh thần trên từ trước tới nay trong các sách giáo khoa của các trường đại học (thuộc lĩnh vực kinh tế) của các nước XHCN trước đây cũng như ở nước ta thường đưa ra khái niệm NSLĐ sau đây: "NSLĐ là khả năng lao động của con người trong việc sản xuất ra một lượng giá trị sử dụng nhất định trong một đơn vị thời gian lao động hao phí".

Xuất phát từ nội dung lý luận về NSLĐ và khái niệm về NSLĐ trên đây cho nên "mức NSLĐ" được xác định bằng số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian lao động.

Chính ở khái niệm về mức NSLĐ mà vấn đề cần được trao đổi để có thể có một cách tiếp cận về NSLĐ ở góc độ và phạm vi rộng hơn cho phù hợp với tình hình hiện tại.

Trong những năm gần đây, dần dần chúng ta càng hiểu thêm một số vấn đề.

- Nền kinh tế trước đây là giá trị

sử dụng, là hiện vật, về lao động là lao động giản đơn đến lao động phức tạp, và cũng có thể nói nền kinh tế trước đây là rập khuôn đến mấy móc. Còn nền kinh tế hiện nay là lao động trí tuệ.

- Trước đây nghĩ tới sản xuất sau đó mới nghĩ tới thị trường, còn bây giờ phải nghĩ tới thị trường ngay từ đầu, bởi vì đúng là hàng hóa là cơ sở cho thị trường, nhưng không có thị trường thì hàng hóa để đấy.

- Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường (có định hướng) thì đối với mỗi doanh nghiệp cũng cần phải hiểu rằng, khối lượng sản phẩm sản xuất ra chưa phải là kết quả sản xuất cuối cùng của doanh nghiệp, mà quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp kết thúc ở việc khối lượng sản phẩm ấy đã được thực hiện - đã được bán đi, thu được tiền bán sản phẩm đó.

- Hơn nữa chúng ta cũng cần mở rộng hơn ý nghĩa của cụm từ "giá trị sử dụng" trong khái niệm NSLĐ. NSLĐ là khả năng lao động của con người trong việc sản xuất ra một lượng giá trị sử dụng... Giá trị sử dụng ở đây có lẽ nên hiểu là "mang giá trị sử dụng". Bởi vì nó chỉ có giá trị sử dụng khi đã có người mua và sử dụng nó, còn khi sản xuất ra thì chỉ là những sản phẩm mang giá trị sử dụng.

- Ngày nay bộ phận gián tiếp cũng không ai còn hiểu như trước đây đó là bộ phận "ăn hại" (nền trước đây cứ kêu gọi giảm gián tiếp) mà ngày nay vấn đề thị trường, mẫu mã sản phẩm v.v.. được đặt lên hàng đầu thì bộ phận này phải đáng đáng.

Từ những vấn đề đặt ra trên đây, vấn đề khi tính mức năng suất lao động chúng ta nên mở rộng phạm vi nghiên cứu, có nghĩa là hiệu quả của lao động nên mở rộng đến khi sản phẩm được tiêu thụ. Có lẽ một hiện tượng kinh tế mà có nhiều cách tiếp cận khác nhau để nghiên cứu thì hiện tượng đó càng được nhận biết một cách rõ ràng hơn ♣